TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

416
D71.108

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YKB
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/6/2022
Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020014	Võ Văn Bé	Bảy	23/10/1986	Nam	8.5	3.8	6.2	001		Liên Thông	
2	116020021	Văn Hồng	Chương	23/11/1988	Nam	9.0	6.3	7.7	002		Liên Thông	
3	116020072	Nguyễn Thanh	Hiền	10/06/1981	Nam	8.0	4.3	6.2	003		Liên Thông	
4	116020089	Lê Quốc	Hùng	20/10/1988	Nam	8.5	4.3	6.4	004		Liên Thông	
5	116020303	Lâm Tài	Triệu	14/12/1991	Nam	8.5	6.5	7.5	005		Liên Thông	
6	116020304	Võ Thị Việt	Trinh	02/02/1993	Nữ	8.5	6.5	7.5	006		Liên Thông	
7	116020310	Nguyễn Ngọc	Trọng	03/03/1986	Nam	8.0	2.8	5.4	007		Liên Thông	
8	116020315	Châu Minh	Tú	13/10/1981	Nam	9.0	3.5	6.3	008		Liên Thông	
9	116020318	Nguyễn Anh	Tuấn	03/02/1986	Nam						Liên Thông	
10	116020680	Nguyễn Duy	Phương	08/03/1995	Nam	9.0	5.8	7.4	010		Liên Thông	
11	116020703	Trần Thị Mỹ	Tiên	30/09/1990	Nữ	8.5	6.0	7.3	011		Liên Thông	
12	116020793	Phan Hoài	Khang	10/08/2000	Nam	8.0	5.5	6.8	015			
13	116020813	Phạm Thanh	Phú	19/09/1993	Nam	9.0	5.5	7.3	016		Liên Thông	
14	116020829	Nguyễn Văn	Hoàng	15/01/1994	Nam	8.0	6.0	7.0	017		Liên Thông	
15	116020830	Nguyễn Tuấn Hoàng	Nguyên	24/04/1994	Nam	8.0	4.5	6.3	018		Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

A16
D71.103

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA19QTKS
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 4/6/22
Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	118919002	Cao Gia	Bảo	01/07/2001	Nam	8.0	4.5	6.3	001			
2	118919003	Nguyễn Thành	Công	15/07/2001	Nam	7.5	3.0	5.3	002			
3	118919012	Nguyễn Thị Như	Ngọc	21/11/2001	Nữ	8.5	5.0	6.8	003			
4	118919017	Thạch Thuỳ Minh	Quí	12/10/2000	Nam	8.0	3.8	5.9	004			
5	118919023	Võ Triệu Hoàng	Phi	28/12/2001	Nam	7.5	3.8	5.7	005			
6	118919024	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/11/2001	Nữ	8.0	3.3	5.7	006			
7	118919026	Lê Thị Bích	Liên	11/01/2001	Nữ	8.0	3.3	5.7	007			
8	118919027	Huỳnh Vĩnh	Tiến	14/10/2000	Nam	8.0	3.8	5.9	008			
9	118919062	Lê Thị Vĩnh	Hân	12/12/2001	Nữ	8.0	3.8	5.9	009			
10	118919074	Sơn Ngọc Quỳnh	Hương	02/05/2001	Nữ	8.5	3.3	5.9	010			
11	118919084	Trương Chí	Kính	09/01/2001	Nam	7.5	2.8	5.2	011			
12	118919089	Sơn Vũ	Linh	25/01/2001	Nam	8.0	4.0	6.0	012			
13	118919119	Nguyễn Thị Yến	Nhi	06/05/2001	Nữ	8.5	4.8	6.7	013			
14	118919126	Bùi Thị Ngọc	Nhu	12/11/2001	Nữ	8.5	5.5	7.0	014			
15	118919149	Lê Thị Thảo	Quyên	21/08/2001	Nữ	7.5	3.8	5.7	015			
16	118919193	Lâm Thị Tiểu	Trâm	10/04/2001	Nữ	8.0	4.3	6.2	016			
17	118919222	Thạch Thị Mỹ	Hạnh	09/10/2001	Nữ	7.5	3.8	5.7	017			
18	118919225	Nguyễn Thái	Anh	12/09/2001	Nữ	7.5	5.3	6.4	018			
19	118919228	Trương Minh	Châu	06/10/1999	Nữ	8.0	5.0	6.5	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Thái Trần Phước Thiện

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

Ngày in : 07/05/2022 15:54

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA21THB
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 4/6/22
Phòng thi: 071.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114321042	Hà Xuân	Lam	26/08/2001	Nữ	8.5	5.0	6.8	020	Lam		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Trần Phước Hữu

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YKH
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/06/2022
Phòng thi: D11.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020173	Bành Kim	Ngọc	15/01/1990	Nữ	9.0	6.0	7.5	017		Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thiên

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YKE
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/06/2022
Phòng thi: D7.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020208	Trần Văn	Phùng	04/06/1991	Nam	9.0	5.3	7.2	013		Liên Thông	
2	116020298	Trương Thị Thùy	Trang	27/07/1991	Nữ	9.5	5.0	7.3	014		Liên Thông	
3	116020655	Huỳnh Mộng	Kha	24/04/1994	Nam	9.5	4.5	7.0	015		Liên Thông	
4	116020659	Đỗ Thành	Lâm	12/08/1993	Nam	8.5	5.5	7.0	016		Liên Thông	
5	116020791	Nguyễn Hoàng Vũ	Linh	13/09/1993	Nam	9.5	5.5	7.5	018		Liên Thông	
6	116020792	Võ Thành	Vàng	16/11/1989	Nam	8.5	5.8	7.2	019		Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Thạc Thuần

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

A16

D71.104

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA19DT

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/06/2022

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	115219003	Nguyễn Kim	Ngọc	17/09/2000	Nữ	8.0	4.8	6.4	001			
2	115219005	Mai Hữu	Quốc	02/10/2001	Nam	Th5	6.3	6.9	002			
3	115219006	Mai Hữu	Tài	26/11/2001	Nam	8.0	6.3	7.2	003			
4	115219007	Nguyễn Văn Chí	Tâm	13/05/2001	Nam	Th5	5.3	6.4	004			
5	115219008	Nguyễn Minh	Thành	11/08/2001	Nam	8.0	5.0	6.5	005			
6	115219009	Bùi Quang	Triều	19/02/2001	Nam	Th5	2.8	5.2	006			
7	115219010	Lương Thị Cẩm	Tú	13/01/2001	Nữ	8.5	3.0	5.8	007			
8	115219011	Đoàn Lê Thành	Đạt	21/11/2001	Nam	Th5	5.3	6.4	008			
9	115219016	Nguyễn Hoàng	Tâm	21/09/2001	Nam	8.0	5.0	6.5	009			
10	115219017	Huỳnh Lê Phát	Đạt	23/08/2001	Nam	8.0	5.5	6.8	010			
11	117919002	Nguyễn Thị Trúc	Nguyên	16/02/2001	Nữ	Th5	4.3	5.9	011			
12	117919004	Nguyễn Hữu	Tài	01/01/2001	Nam	Th5	6.3	6.9	012			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thiên

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

4/6

D71 105

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA19QTNH

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 6 / 2022

Phòng thi: D71 105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	119019001	Võ Tiểu	Al	13/05/2001	Nữ	7.5	3.0	5.3	001	Tal		
2	119019007	Phạm Ngọc Nhựt	Minh	15/12/2001	Nữ	8.5	4.3	6.4	002	Nhựt		
3	119019010	Trương Thị Bảo	Ngọc	11/09/2001	Nữ	8.0	3.5	5.8	003	Ngọc		
4	119019013	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	20/06/2001	Nữ	8.5	4.0	6.3	004	Như		
5	119019014	Nguyễn Thu	Phương	22/11/2001	Nữ	8.0	2.8	5.4	005	Phương		
6	119019016	Trương Hoài	Thanh	10/04/2001	Nam	7.5	2.3	4.9	006	Thanh		
7	119019017	Lê Thị Kim	Thoa	28/03/2001	Nữ	8.5	2.5	5.5	007	Thoa		
8	119019020	Nguyễn An	Tiêm	12/12/2001	Nam	8.5	2.5	5.5	008	Tiêm		
9	119019025	Thái Sơn	Ca	01/01/2001	Nữ	8.0	3.5	5.8	009	Sơn Ca		
10	119019059	Lý Ngọc	Lâm	14/12/2001	Nam	8.5	2.8	5.7	010	Lâm		
11	119019063	Nguyễn Thị Thúy	Liễu	17/10/2001	Nữ	8.5	1.8	5.2	011	Liễu		
12	119019097	Phan Thị Tuyết	Như	26/02/2001	Nữ	8.0	4.3	6.2	012	Như		
13	119019113	Nguyễn Tấn	Thành	13/05/2000	Nam	8.5	2.5	5.5	013	Thành		
14	119019140	Lý Thị Cẩm	Tú	05/06/2001	Nữ	8.5	3.0	5.8	1H0	Tú		
15	119019147	Nguyễn Tường	Vi	13/03/2001	Nữ	8.0	4.3	6.2	015	Tường		
16	119019158	Lê Tăng	Thịnh	01/05/2001	Nam	8.5	4.0	6.3	016	Thịnh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Hữu Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA18YKC
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
04/6/2022
Phòng thi: 071 105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116017094	Nguyễn Khánh	Linh	21/01/1997	Nữ		2.8	1.4	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Minh Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YHDP

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04/6/2022

Phòng thi: 071106

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi
1	118320037	Trần Bảo	Anh	29/04/1990	Nam	9.5	6.0	7.8	017			
2	118320063	Nguyễn Văn	Phong	10/05/1990	Nam	8.5	4.0	6.3	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Hiệp Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

4/6
D71 106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YKD
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Trắc Nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 04/06/2022
Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020004	Nguyễn Tấn	An	06/05/1978	Nam	10.0	4.5	7.3	001		Liên Thông	
2	116020052	Nguyễn Khương	Duy	26/08/1990	Nam	8.0	4.5	6.3	002		Liên Thông	
3	116020054	Đinh Thành	Duy	01/01/1994	Nam	8.5	4.5	6.5	003		Liên Thông	
4	116020063	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	26/01/1992	Nữ	8.5	5.8	7.2	004		Liên Thông	
5	116020073	Võ Thị Ngọc	Hiền	20/05/1993	Nữ	8.5	6.0	7.3	005		Liên Thông	
6	116020076	Phạm Văn	Hiệp	08/06/1992	Nam	8.5	4.3	6.4	007		Liên Thông	
7	116020095	Lê Anh	Huy	14/04/1983	Nam	8.0	5.0	6.5	006		Liên Thông	
8	116020149	Lê Ngọc	Mai	06/10/1994	Nữ	9.0	5.0	7.0	008		Liên Thông	
9	116020155	Huỳnh Thị Ka	Mây	19/09/1985	Nữ	8.5	5.0	6.8	009		Liên Thông	
10	116020162	Phan Thị Thanh	Nga	06/03/1992	Nữ	8.5	2.5	5.5	010		Liên Thông	
11	116020175	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	06/09/1990	Nữ	9.0	5.5	7.3	011		Liên Thông	
12	116020213	Phan Thanh	Phương	13/06/1995	Nam	9.0	5.3	7.2	012		Liên Thông	
13	116020222	Trần Hồng	Quân	03/04/1992	Nam	8.5	5.0	6.8	013		Liên Thông	
14	116020247	Đoàn Thị Phương	Thắm	29/02/1988	Nữ	8.5	4.0	6.3	014		Liên Thông	
15	116020263	Trương Thị Bé	Thơ	22/08/1989	Nữ	8.5	5.3	6.9	015		Liên Thông	
16	116020268	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/02/1993	Nữ	8.5	4.3	6.4	016		Liên Thông	
17	116020340	Đoàn Văn Hồng	Vũ	01/01/1981	Nam	8.0	4.0	6.0	017		Liên Thông	
18	116020670	Lê Thị Yến	Nhi	20/04/1996	Nữ	8.5	6.5	7.5	018		Liên Thông	
19	116020683	Lý Xuân	Quý	01/11/1994	Nam	8.5	4.5	6.5	020		Liên Thông	
20	116020705	Nguyễn Thanh	Liêm	20/12/1993	Nam	8.5	5.5	7.0	019		Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20.
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20.
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20
Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

Ngày in : 07/05/2022 15:54

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YKD
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/6/2022
Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020790	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	19/03/1992	Nữ	9.0	5.8	7.4	019		Liên Thông	
2	116020808	Lê Cao Phương	Uyên	03/12/1997	Nữ	9.0	5.5	7.3	020		Liên Thông	
3	116020815	Nguyễn Đăng	Khoa	16/11/1993	Nam	8.0	5.8	6.9	021		Liên Thông	
4	116020816	Huỳnh Võ Phước	Nghĩa	18/05/1991	Nam	8.0	5.0	6.5	022		Liên Thông	
5	116020817	Trần Tiến	Phong	16/06/1997	Nam	8.0	5.0	6.5	023		Liên Thông	
6	116020822	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	21/04/1987	Nữ	8.0	5.3	6.7	024		Liên Thông	
7	116020837	Nguyễn Thế	Quang	16/05/1990	Nam	8.5	4.3	6.4	025		Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 7
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 7
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 6 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Lâm Cao Phương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

416

D71-107

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YKA
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá:.....
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 04/6/2022
Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020012	Dương Thanh	Bằng	19/07/1992	Nam	8.5	5.5	7.0	001		Liên Thông	
2	116020100	Nguyễn Đăng	Huynh	10/06/1995	Nam	9.5	6.0	7.8	002		Liên Thông	
3	116020109	Huỳnh Bửu	Khánh	29/11/1996	Nam	8.5	6.0	7.3	003		Liên Thông	
4	116020113	Trần Nguyên	Khôi	15/06/1995	Nam	9.0	4.3	6.7	004		Liên Thông	
5	116020114	Bạch Thị Kim	Khuyên	28/12/1992	Nữ	8.5	4.0	6.3	005		Liên Thông	
6	116020125	Nguyễn Thị Bích	Lê	18/08/1991	Nữ	9.5	3.5	6.5	006		Liên Thông	
7	116020174	Phan Yến	Ngọc	04/05/1992	Nữ	8.5	5.5	7.0	007		Liên Thông	
8	116020188	Trương Văn	Nhiên	17/11/1984	Nam	8.5	5.8	7.2	008		Liên Thông	
9	116020190	Hồ Thị Huỳnh	Như	15/06/1994	Nữ	9.0	6.3	7.7	009		Liên Thông	
10	116020191	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	23/11/1993	Nữ	8.5	4.8	6.7	010		Liên Thông	
11	116020206	Nguyễn Minh	Phúc	01/01/1984	Nam	9.5	7.5	8.5	011		Liên Thông	
12	116020244	Ngô Minh	Tấn	01/10/1993	Nam	8.5	5.0	6.8	012		Liên Thông	
13	116020261	Nguyễn Tiến	Thịnh	10/08/1994	Nam	10.0	4.0	7.0	013		Liên Thông	
14	116020275	Nguyễn Thị Mai	Thuỷ	27/04/1993	Nữ	10.0	4.3	7.2	014		Liên Thông	
15	116020302	Lê Đại	Trí	16/01/1995	Nam	9.0	5.8	7.4	015		Liên Thông	
16	116020309	Nguyễn Văn	Trọng	13/03/1994	Nam	10.0	6.8	8.4	016		Liên Thông	
17	116020325	Trần Thị Ngọc	Tuyền	15/08/1985	Nữ	10.0	6.3	8.2	017		Liên Thông	
18	116020329	Nguyễn Thị	Tuyết	05/03/1981	Nữ	8.5	5.3	6.9	018		Liên Thông	
19	116020337	Phạm Văn	Viên	12/03/1988	Nam	8.5	6.0	7.3	019		Liên Thông	
20	116020349	Đặng	Yên	28/10/1985	Nam	8.5	5.3	6.9	020		Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Võ Thị Thùy Dương

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

Ngày in : 07/05/2022 15:54

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20YKA
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/05/2022
Phòng thi: D11.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020785	Bùi Hữu	Nghĩa	10/03/1993	Nam	8.5	5.8	7.2	012		Liên Thông	
2	116020810	Nguyễn Phi	Hùng	1994	Nam	8.5	4.0	6.3	013		Liên Thông	
3	116020848	Dương Quốc	Thạnh	19/05/1993	Nam	9.0	5.0	7.0	014		Liên Thông	
4	116020864	Nguyễn Trọng	Hòa	25/08/1987	Nam	9.0	5.5	7.3	026		Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 4
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 4
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 4 tháng 5 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

Ngày in : 07/05/2022 15:54

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

8.6

D71.103

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20DDA
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 7/6/22
Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	115420158	Lê Anh	Thư	10/06/2002	Nữ	7.5	4.8	6.2	001	Thư		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Phước Hữu

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 8 tháng 6 năm 20.*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lớp DA20DDA phòng D71.103, buổi Tối ngày 07/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	115420158	Lê Anh Thư	2002	LLCT-LSĐCSVN-DA20DDA-D71.103-T070622_001	DA20DDA	19	4.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 5 tháng 6 năm 2022*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lớp DA20YKB phòng D71.108, buổi Tối ngày 04/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	116020014	Võ Văn Bé Bảy	1986	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_001	DA20YKB	15	3.75	
2	116020021	Văn Hồng Chương	1988	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_002	DA20YKB	25	6.25	
3	116020072	Nguyễn Thanh Hiền	1981	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_003	DA20YKB	17	4.25	
4	116020089	Lê Quốc Hùng	1988	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_004	DA20YKB	17	4.25	
5	116020303	Lâm Tài Triệu	1991	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_005	DA20YKB	26	6.5	
6	116020304	Võ Thị Việt Trinh	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_006	DA20YKB	26	6.5	
7	116020310	Nguyễn Ngọc Trọng	1986	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_007	DA20YKB	11	2.75	
8	116020315	Châu Minh Tú	1981	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_008	DA20YKB	14	3.5	
9	116020318	Nguyễn Anh Tuấn	1986	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_009	DA20YKB	0	0	
10	116020680	Nguyễn Duy Phương	1995	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_010	DA20YKB	23	5.75	
11	116020703	Trần Thị Mỹ Tiên	1990	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_011	DA20YKB	24	6	
12	116020785	Bùi Hữu Nghĩa	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_012	DA20YKA	23	5.75	
13	116020790	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_019	DA20YKD	23	5.75	
14	116020793	Phan Hoài Khang	2000	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_015	DA20YKB	22	5.5	
15	116020808	Lê Cao Phương Uyên	1997	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_020	DA20YKD	22	5.5	
16	116020810	Nguyễn Phi Hùng	2002	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_013	DA20YKA	16	4	
17	116020813	Phạm Thanh Phú	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_016	DA20YKB	22	5.5	
18	116020815	Nguyễn Đăng Khoa	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_021	DA20YKD	23	5.75	
19	116020816	Huỳnh Võ Phước Nghĩa	1991	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_022	DA20YKD	20	5	
20	116020817	Trần Tiến Phong	1997	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_023	DA20YKD	20	5	
21	116020822	Nguyễn Thị Thanh Uyên	1987	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_024	DA20YKD	21	5.25	
22	116020829	Nguyễn Văn Hoàng	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_017	DA20YKB	24	6	
23	116020830	Nguyễn Tuấn Hoàng Nguyên	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_018	DA20YKB	18	4.5	
24	116020837	Nguyễn Thế Quang	1990	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_025	DA20YKD	17	4.25	
25	116020848	Dương Quốc Thạnh	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_014	DA20YKA	20	5	
26	116020864	Nguyễn Trọng Hòa	1987	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKB-D71.108-T040622_026	DA20YKA	22	5.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 5 tháng 6 năm 2022*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lớp DA20YKA phòng D71.107, buổi Tối ngày 04/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	116020012	Dương Thanh Bằng	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_001	DA20YKA	22	5.5	
2	116020100	Nguyễn Đăng Huynh	1995	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_002	DA20YKA	24	6	
3	116020109	Huỳnh Bửu Khánh	1996	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_003	DA20YKA	24	6	
4	116020113	Trần Nguyên Khôi	1995	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_004	DA20YKA	17	4.25	
5	116020114	Bạch Thị Kim Khuyên	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_005	DA20YKA	16	4	
6	116020125	Nguyễn Thị Bích Lê	1991	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_006	DA20YKA	14	3.5	
7	116020174	Phan Yến Ngọc	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_007	DA20YKA	22	5.5	
8	116020188	Trương Văn Nhiên	1984	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_008	DA20YKA	23	5.75	
9	116020190	Hồ Thị Huỳnh Như	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_009	DA20YKA	25	6.25	
10	116020191	Nguyễn Thị Huỳnh Như	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_010	DA20YKA	19	4.75	
11	116020206	Nguyễn Minh Phúc	1984	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_011	DA20YKA	30	7.5	
12	116020244	Ngô Minh Tấn	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_012	DA20YKA	20	5	
13	116020261	Nguyễn Tiến Thịnh	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_013	DA20YKA	16	4	
14	116020275	Nguyễn Thị Mai Thuỷ	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_014	DA20YKA	17	4.25	
15	116020302	Lê Đại Trí	1995	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_015	DA20YKA	23	5.75	
16	116020309	Nguyễn Văn Trọng	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_016	DA20YKA	27	6.75	
17	116020325	Trần Thị Ngọc Tuyền	1985	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_017	DA20YKA	25	6.25	
18	116020329	Nguyễn Thị Tuyết	1981	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_018	DA20YKA	21	5.25	
19	116020337	Phạm Văn Viên	1988	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_019	DA20YKA	24	6	
20	116020349	Đặng Yên	1985	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKA-D71.107-T040622_020	DA20YKA	21	5.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 5 tháng 6 năm*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lớp DA19QTNH phòng D71.105, buổi Tối ngày 04/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	G
1	116017094	Nguyễn Khánh Linh	1997	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_019	DA18YKC	11	2.75	
2	118320037	Trần Bảo Anh	1990	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_017	DA20YHDP	24	6	
3	118320063	Nguyễn Văn Phong	1990	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_018	DA20YHDP	16	4	
4	119019001	Võ Tiểu Al	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_001	DA19QTNH	12	3	
5	119019007	Phạm Ngọc Nhựt Minh	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_002	DA19QTNH	17	4.25	
6	119019010	Trương Thị Bảo Ngọc	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_003	DA19QTNH	14	3.5	
7	119019013	Nguyễn Thị Huỳnh Như	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_004	DA19QTNH	16	4	
8	119019014	Nguyễn Thu Phương	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_005	DA19QTNH	11	2.75	
9	119019016	Trương Hoài Thanh	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_006	DA19QTNH	9	2.25	
10	119019017	Lê Thị Kim Thoa	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_007	DA19QTNH	10	2.5	
11	119019020	Nguyễn An Tiêm	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_008	DA19QTNH	10	2.5	
12	119019025	Thái Sơn Ca	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_009	DA19QTNH	14	3.5	
13	119019059	Lý Ngọc Lâm	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_010	DA19QTNH	11	2.75	
14	119019063	Nguyễn Thị Thúy Liễu	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_011	DA19QTNH	7	1.75	
15	119019097	Phan Thị Tuyết Như	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_012	DA19QTNH	17	4.25	
16	119019113	Nguyễn Tấn Thành	2000	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_013	DA19QTNH	10	2.5	
17	119019140	Lý Thị Cẩm Tú	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_014	DA19QTNH	12	3	
18	119019147	Nguyễn Tường Vi	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_015	DA19QTNH	17	4.25	
19	119019158	Lê Tăng Thịnh	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTNH-D71.105-T040622_016	DA19QTNH	16	4	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 5 tháng 6 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lớp DA19DT phòng D71.104, buổi Tối ngày 04/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	115219003	Nguyễn Kim Ngọc	2000	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_001	DA19DT	19	4.75	
2	115219005	Mai Hữu Quốc	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_002	DA19DT	25	6.25	
3	115219006	Mai Hữu Tài	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_003	DA19DT	25	6.25	
4	115219007	Nguyễn Văn Chí Tâm	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_004	DA19DT	21	5.25	
5	115219008	Nguyễn Minh Thành	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_005	DA19DT	20	5	
6	115219009	Bùi Quang Triều	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_006	DA19DT	11	2.75	
7	115219010	Lương Thị Cẩm Tú	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_007	DA19DT	12	3	
8	115219011	Đoàn Lê Thành Đạt	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_008	DA19DT	21	5.25	
9	115219016	Nguyễn Hoàng Tâm	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_009	DA19DT	20	5	
10	115219017	Huỳnh Lê Phát Đạt	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_010	DA19DT	22	5.5	
11	116020173	Bành Kim Ngọc	1990	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_017	DA20YKH	24	6	
12	116020208	Trần Văn Phùng	1991	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_013	DA20YKE	21	5.25	
13	116020298	Trương Thị Thùy Trang	1991	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_014	DA20YKE	20	5	
14	116020655	Huỳnh Mộng Kha	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_015	DA20YKE	18	4.5	
15	116020659	Đỗ Thành Lâm	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_016	DA20YKE	22	5.5	
16	116020791	Nguyễn Hoàng Vũ Linh	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_018	DA20YKE	22	5.5	
17	116020792	Võ Thành Vàng	1989	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_019	DA20YKE	23	5.75	
18	117919002	Nguyễn Thị Trúc Nguyên	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_011	DA19DT	17	4.25	
19	117919004	Nguyễn Hữu Tài	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19DT-D71.104-T040622_012	DA19DT	25	6.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 5 tháng 6 năm 2022*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lớp DA20YKD phòng D71.106, buổi Tối ngày 04/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi ch
1	116020004	Nguyễn Tấn An	1978	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_001	DA20YKD	18	4.5	
2	116020052	Nguyễn Khương Duy	1990	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_002	DA20YKD	18	4.5	
3	116020054	Đinh Thành Duy	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_003	DA20YKD	18	4.5	
4	116020063	Nguyễn Thị Hồng Gấm	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_004	DA20YKD	23	5.75	
5	116020073	Võ Thị Ngọc Hiền	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_005	DA20YKD	24	6	
6	116020076	Phạm Văn Hiệp	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_006	DA20YKD	17	4.25	
7	116020095	Lê Anh Huy	1983	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_007	DA20YKD	20	5	
8	116020149	Lê Ngọc Mai	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_008	DA20YKD	20	5	
9	116020155	Huỳnh Thị Ka Mây	1985	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_009	DA20YKD	20	5	
10	116020162	Phan Thị Thanh Nga	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_010	DA20YKD	10	2.5	
11	116020175	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	1990	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_011	DA20YKD	22	5.5	
12	116020213	Phan Thanh Phương	1995	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_012	DA20YKD	21	5.25	
13	116020222	Trần Hồng Quân	1992	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_013	DA20YKD	20	5	
14	116020247	Đoàn Thị Phương Thắm	1988	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_014	DA20YKD	16	4	
15	116020263	Trương Thị Bé Thơ	1989	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_015	DA20YKD	21	5.25	
16	116020268	Nguyễn Thị Anh Thư	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_016	DA20YKD	17	4.25	
17	116020340	Đoàn Văn Hồng Vũ	1981	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_017	DA20YKD	16	4	
18	116020670	Lê Thị Yến Nhi	1996	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_018	DA20YKD	26	6.5	
19	116020683	Lý Xuân Quý	1994	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_020	DA20YKD	18	4.5	
20	116020705	Nguyễn Thanh Liêm	1993	LLCT-LSĐCSVN-DA20YKD-D71.106-T040622_019	DA20YKD	22	5.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 5 tháng 6 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lớp DA19QTKS phòng D71.103, buổi Tối ngày 04/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	114321042	Hà Xuân Lam	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_020	DA21THB	20	5	
2	118919002	Cao Gia Bảo	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_001	DA19QTKS	18	4.5	
3	118919003	Nguyễn Thành Công	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_002	DA19QTKS	12	3	
4	118919012	Nguyễn Thị Như Ngọc	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_003	DA19QTKS	20	5	
5	118919017	Thạch Thuỳ Minh Quí	2000	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_004	DA19QTKS	15	3.75	
6	118919023	Võ Triệu Hoàng Phi	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_005	DA19QTKS	15	3.75	
7	118919024	Nguyễn Thị Thu Thảo	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_006	DA19QTKS	13	3.25	
8	118919026	Lê Thị Bích Liên	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_007	DA19QTKS	13	3.25	
9	118919027	Huỳnh Vĩnh Tiến	2000	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_008	DA19QTKS	15	3.75	
10	118919062	Lê Thị Vĩnh Hân	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_009	DA19QTKS	15	3.75	
11	118919074	Sơn Ngọc Quỳnh Hương	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_010	DA19QTKS	13	3.25	
12	118919084	Trương Chí Kính	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_011	DA19QTKS	11	2.75	
13	118919089	Sơn Vũ Linh	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_012	DA19QTKS	16	4	
14	118919119	Nguyễn Thị Yến Nhi	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_013	DA19QTKS	19	4.75	
15	118919126	Bùi Thị Ngọc Nhu	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_014	DA19QTKS	22	5.5	
16	118919149	Lê Thị Thảo Quyên	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_015	DA19QTKS	15	3.75	
17	118919193	Lâm Thị Tiểu Trâm	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_016	DA19QTKS	17	4.25	
18	118919222	Thạch Thị Mỹ Hạnh	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_017	DA19QTKS	15	3.75	
19	118919225	Nguyễn Thái Anh	2001	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_018	DA19QTKS	21	5.25	
20	118919228	Trương Minh Châu	1999	LLCT-LSĐCSVN-DA19QTKS-D71.103-T040622_019	DA19QTKS	20	5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2